

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 781/SCT-KTAT

Gia Lai, ngày 19 tháng 7 năm 2018

V/v tham gia góp ý dự thảo
Quyết định ban hành Quy chế
quản lý VLNCN trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện công văn số 1888/VP-CNXD ngày 05/7/2018 của Văn phòng UBND tỉnh Gia Lai về việc thực hiện Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; trong đó giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện nội dung Thông tư theo đúng quy định và đề xuất UBND tỉnh xem xét, xử lý các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Tại Điểm b, Khoản 4, Điều 19 của Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ quy định: “*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn phù hợp với tình hình của địa phương theo quy định pháp luật*”;

Triển khai thực hiện quy định nêu trên, Sở Công Thương đã xây dựng dự thảo “Quyết định ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai” (*Dự thảo Quyết định được đăng tải trên website Sở Công Thương Gia Lai, địa chỉ: <http://www.sct.gialai.gov.vn>; Chuyên mục: Góp ý dự thảo*);

Để có cơ sở đề xuất UBND tỉnh xem xét ban hành Quyết định, Sở Công Thương kính đề nghị các Sở, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham gia góp ý dự thảo. Ý kiến tham gia góp ý đề nghị gửi về Sở Công Thương trước ngày **31/7/2018** (Kèm file góp ý gửi về địa chỉ: sctgl2004@gmail.com). Sở Công Thương đề nghị các đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Webstie Sở CT;
- Lưu VT, KTAT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Lộc

Số: /2018/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 51/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số/TTr-SCT ngày/...../2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý về vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 22/02/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương; Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch và các PCT - UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Đ/c CVP và các PCVP - UBND tỉnh;
- Lưu VT, TTTH, KTTH, NL, NC, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ
Quản lý về vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND
ngày... tháng năm 2018 của UBND tỉnh Gia Lai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và quản lý nhà nước về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (sau đây viết tắt là VLNCN) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Quy chế này không áp dụng đối với các hoạt động VLNCN phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng và trong các trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vật liệu nổ* là sản phẩm dưới tác động của xung kích thích ban đầu gây ra phản ứng hóa học nhanh, mạnh, tỏa nhiệt, sinh khí, phát sáng, tạo ra tiếng nổ, bao gồm:

a) Thuốc nổ là hóa chất hoặc hỗn hợp chất được sản xuất, sử dụng nhằm tạo ra phản ứng nổ dưới tác động của xung kích thích;

b) Phụ kiện nổ là kíp nổ, dây nổ, dây cháy chậm, mìn nổ, vật phẩm chứa thuốc nổ có tác dụng tạo xung kích thích ban đầu làm nổ khối thuốc nổ hoặc thiết bị chuyên dùng có chứa thuốc nổ.

2. *Vật liệu nổ công nghiệp* là vật liệu nổ sử dụng cho mục đích kinh tế, dân sự.

3. *Hoạt động vật liệu nổ công nghiệp* là việc thực hiện một hoặc một số hoạt động sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

4. *Người quản lý* là người được tổ chức hoạt động VLNCN giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về chuyên môn, kỹ thuật đối với hoạt động VLNCN, trừ chỉ huy nổ mìn.

5. *Chỉ huy nổ mìn* là người được Giám đốc tổ chức sử dụng VLNCN bổ nhiệm để chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc sử dụng VLNCN theo hộ chiếu nổ mìn đã được phê duyệt.

6. *Thợ mìn* là người trực tiếp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo hộ chiếu nổ mìn đã được phê duyệt.

7. *Người phục vụ* bao gồm: Bảo vệ, bốc dỡ và vận chuyển tại kho, vị trí trung chuyển vật liệu nổ công nghiệp và tại khu vực nổ mìn.

8. *Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam* (Danh mục vật liệu nổ công nghiệp) bao gồm vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí và vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

9. *QCVN 02:2008/BCT* là tên viết tắt của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 02:2008/BCT về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy VLNCN.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH, BẢO QUẢN VÀ VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Quy định về kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp

1. Tổ chức kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp phải là doanh nghiệp nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

2. Địa điểm kho, bến cảng, nơi tiếp nhận bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện về an ninh, trật tự; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ;

3. Kho, thiết bị bốc dỡ, phương tiện vận chuyển, thiết bị, dụng cụ phục vụ kinh doanh phải được thiết kế, xây dựng phù hợp, đáp ứng yêu cầu về bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, phòng cháy và chữa cháy; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

4. Người quản lý, người phục vụ có liên quan đến kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn phù hợp và được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong hoạt động liên quan đến kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;

5. Doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp chỉ được kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp có trong Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam; việc kinh doanh phải bảo đảm đúng quy định trong giấy phép kinh doanh; được mua lại vật liệu nổ công nghiệp của tổ chức được phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không sử dụng hết.

Điều 5. Quy định chung về bảo quản VLNCN

1. Việc bảo quản VLNCN phải đảm bảo an toàn, chống mất cắp, giữ được chất lượng, nhập vào, xuất ra nhanh chóng.

2. VLNCN phải được bảo quản trong các kho, phương tiện chứa đựng đảm bảo an toàn theo quy định.

3. Việc bảo quản VLNCN trong cùng một kho chứa phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Trong một nhà kho hoặc trong một buồng chứa, được phép bảo quản chung các nhóm VLNCN tương thích;

b) Cấm bảo quản chung kíp và thuốc nổ trong một buồng hoặc hòm, thùng chứa.

4. Công tác thống kê, xuất nhập VLNCN phải thực hiện theo đúng quy định tại phụ lục E của QCVN 02:2008/BCT.

5. Khi đơn vị không còn nhu cầu sử dụng VLNCN thì số VLNCN còn lại ở kho phải chuyển giao lại cho đơn vị được phép kinh doanh VLNCN. Việc chuyển giao này phải làm đúng các thủ tục hiện hành và thông báo bằng văn bản đến Sở Công Thương và Công an tỉnh.

Trường hợp không chuyển giao được do VLNCN quá hạn hoặc việc chuyển giao không đảm bảo các điều kiện an toàn, đơn vị được phép tiêu hủy theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này.

6. Tổ chức có kho VLNCN phải xây dựng phương án chữa cháy, phương án bảo vệ an ninh trật tự, biện pháp xử lý và phối hợp với chính quyền địa phương trong các trường hợp có cháy, người xâm nhập trái phép và các trường hợp khẩn cấp khác. Đăng ký danh sách người quản lý, thủ kho, người phục vụ với cơ quan công an địa phương.

Điều 6. Quy định về kho chứa VLNCN

1. Chỉ các tổ chức có giấy phép kinh doanh, sử dụng VLNCN và dịch vụ nổ mìn mới được phép đầu tư xây dựng kho chứa VLNCN. Việc đầu tư, xây dựng, mở rộng, cải tạo kho chứa VLNCN phải thực hiện đúng quy định pháp luật về đầu tư xây dựng công trình, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và quy định pháp luật liên quan.

2. Kho chứa VLNCN là nơi bảo quản VLNCN. Kho VLNCN có thể gồm một hoặc nhiều nhà kho chứa, một số công trình phụ trợ bố trí xung quanh ranh giới kho. Kho, phương tiện chứa VLNCN chỉ được sử dụng sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

3. Khi sửa chữa nhà kho hoặc thiết bị trong nhà kho, phải chuyển VLNCN sang chứa ở nhà kho khác hoặc xếp trên bãi trống tạm trong khu vực kho. Khi bảo quản VLNCN trên bãi trống phải thủ các quy định an toàn về bảo quản VLNCN trên bãi trống.

4. Đơn vị có kho VLNCN phải làm thủ tục đăng ký kho với Sở Công Thương và Công an tỉnh.

5. Tất cả các kho VLNCN (kho dự trữ, tiêu thụ) đều phải được bảo vệ nghiêm ngặt, phải tổ chức canh gác suốt ngày đêm.

6. Các nhà kho kiểu nổi, nửa ngầm, kho ngầm có lớp đất phủ dày dưới 10m đều phải được xây dựng hệ thống chống sét. Hệ thống chống sét sau khi thi công xong phải được nghiệm thu theo tiêu chuẩn mới được đưa vào sử dụng.

7. Các kho VLNCN cố định hoặc lưu động, đều phải có lý lịch kho lập theo mẫu quy định ở phụ lục G của Quy chuẩn QCVN 02:2008/BCT.

8. Tất cả các kho VLNCN phải có phương án phòng cháy chữa cháy được cơ quan công an phòng cháy chữa cháy cấp tỉnh phê duyệt.

Điều 7. Bảo quản VLNCN tại nơi nổ mìn khi chưa tiến hành nổ mìn

1. Từ khi đưa VLNCN đến nơi sẽ tiến hành nổ, VLNCN phải được bảo quản, canh gác, bảo vệ cho đến lúc nạp mìn xong. Người bảo vệ phải là thợ mìn hoặc công nhân đã được hướng dẫn về công tác an toàn trong bảo quản VLNCN.

2. Nếu khối lượng VLNCN cần bảo quản để sử dụng cho nhu cầu một ngày đêm thì phải để ngoài vùng nguy hiểm theo quy định. Trường hợp này, cho phép chứa VLNCN ở trong hầm thiên nhiên hoặc nhân tạo, trong thùng xe ô tô, xe thô sơ. Nơi chứa cố định hoặc di động kể trên phải cách xa khu dân cư, các công trình công nghiệp một khoảng cách theo quy định và phải được canh gác, bảo vệ suốt ngày đêm.

Cho phép để VLNCN với khối lượng dùng cho một ca làm việc ở trong giới hạn của vùng nguy hiểm, nhưng phải ở nơi khô ráo, canh gác bảo vệ trong suốt ca làm việc và không được để kíp nổ hoặc bao mìn mồi ở đó.

Điều 8. Quy định về vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh hoặc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng hóa;

b) Phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đủ điều kiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; bảo đảm điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

c) Người quản lý, người điều khiển phương tiện, áp tải và người phục vụ có liên quan đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

d) Có Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; biểu trưng báo hiệu phương tiện đang vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

2. Người thực hiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải tuân theo quy định sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung ghi trong Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b) Kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng, đỗ và khắc phục ngay sự cố xảy ra;

c) Có phương án vận chuyển bảo đảm an toàn, phòng cháy và chữa cháy; có biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp;

d) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp ở nơi đông người, khu vực dân cư, gần trạm xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao; không vận chuyển khi thời tiết bất thường. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự, cơ quan Công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ;

e) Không được chở vật liệu nổ công nghiệp và người trên cùng một phương tiện, trừ người có trách nhiệm trong việc vận chuyển.

3. Việc cấp, điều chỉnh, thu hồi và tạm ngừng Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo quy định của Bộ Công an.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG VLNCN

Điều 9. Quy định chung về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

1. Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hoạt động ngành, nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

b) Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

c) Có kho, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

d) Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan;

đ) Người quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và người khác có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

e) Quy mô sử dụng thuốc nổ trong 01 quý từ 500 kg trở lên, trừ trường hợp sử dụng thuốc nổ để thử nghiệm, thăm dò, đánh giá địa chất.

2. Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải tuân theo quy định sau đây:

a) Chỉ được mua vật liệu nổ công nghiệp có trong Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam từ các doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;

b) Vật liệu nổ công nghiệp không sử dụng hết phải bán lại cho doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;

c) Thực hiện việc bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn và thực hiện đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp khi tiến hành nổ mìn;

d) Lập thiết kế, phương án nổ mìn phù hợp với quy mô sản xuất, điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội nơi nổ mìn. Trong thiết kế, phương án nổ mìn phải quy định cụ thể các biện pháp an toàn, bảo vệ, canh gác chống xâm nhập trái phép khu vực nổ mìn; thủ tục cảnh báo, khởi nổ; thủ tục bảo quản và thủ tục giám sát việc tiêu thụ, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp tại nơi nổ mìn và nội dung khác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải được cơ quan cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phê duyệt và được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý khi nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật. Thực hiện việc giám sát các ảnh hưởng nổ mìn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ nằm trong phạm vi ảnh hưởng của nổ mìn;

Điều 10. Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo;

b) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

d) Bản sao giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp;

đ) Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công

ng nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

e) Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được Sở Công Thương phê duyệt và được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Bản sao văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

h) Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn;

i) Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người có liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn;

k) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.

2. Đối với tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp nhưng không thay đổi về địa điểm, quy mô hoạt động, hồ sơ đề nghị bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo, báo cáo hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong thời hạn hiệu lực của giấy phép đã cấp và giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này nếu có sự thay đổi.

3. Trường hợp đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm b, d và đ khoản 1 Điều này nhưng không tự thực hiện việc nổ mìn, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nổ mìn được quyền ký hợp đồng thuê toàn bộ công việc nổ mìn với tổ chức có Giấy phép dịch vụ nổ mìn.

4. Các tổ chức sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn tỉnh (trừ các tổ chức là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối do Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hoặc các Bộ, ngành làm đại diện chủ sở hữu vốn, doanh nghiệp hoạt động

dầu khí, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có giấy phép hoạt động khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp hoặc tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng) lập hồ sơ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thành 01 bộ và nộp tại Sở Công Thương; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra, thẩm định, cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

1. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã cấp cho tổ chức, doanh nghiệp được thu hồi trong trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ giải thể, chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập;

b) Chấm dứt hoạt động về vật liệu nổ công nghiệp;

c) Không bảo đảm điều kiện về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; không đáp ứng đầy đủ hoặc không thực hiện đúng nội dung quy định trong giấy phép;

d) Giấy phép cấp không đúng thẩm quyền;

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này có trách nhiệm lập hồ sơ, làm thủ tục đề nghị thu hồi. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thu hồi;

b) Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh do Quân đội nhân dân cấp của người đến liên hệ.

2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này lập thành 01 bộ và nộp tại Sở Công Thương.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Công Thương phải ban hành quyết định thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

4. Trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này không đề nghị thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì Sở Công Thương phải kiểm tra, lập biên bản, tổ chức thu hồi và xử lý theo quy định.

Điều 12. Dịch vụ nổ mìn

1. Điều kiện, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ nổ mìn quy định như sau:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký ngành, nghề cung ứng dịch vụ nổ mìn; đối với tổ chức, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ nổ mìn

có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là doanh nghiệp nhà nước;

b) Có đủ điều kiện về sử dụng, bảo quản và vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân sự đủ để cung ứng dịch vụ cho tối thiểu 05 tổ chức thuê dịch vụ;

c) Có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và quy định khác của pháp luật có liên quan khi sử dụng, bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện dịch vụ nổ mìn.

2. Tổ chức, cá nhân thuê dịch vụ nổ mìn có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Không phải có giấy phép đối với hoạt động vật liệu nổ công nghiệp đã thuê dịch vụ nổ mìn;

b) Chỉ được thuê một tổ chức, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ nổ mìn cung ứng một loại dịch vụ nổ mìn tại một vị trí, địa điểm;

c) Theo sự điều hành của bên cung ứng dịch vụ nổ mìn trong các hoạt động cụ thể khi bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

d) Hợp tác, tạo điều kiện hỗ trợ bên cung ứng dịch vụ nổ mìn các vấn đề liên quan đến an ninh, an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

Chương IV **QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN TRONG SỬ DỤNG VLNCN** **TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

Điều 13. Quy định khi sử dụng VLNCN tại các địa điểm đặc thù

1. Khi nổ mìn ở những địa điểm giáp ranh khu dân cư, công trình văn hoá lịch sử, công trình quan trọng quốc gia và các công trình khác không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân sử dụng VLNCN, Tổ chức, cá nhân sử dụng VLNCN phải thỏa thuận với tổ chức, cá nhân quản lý, sở hữu các công trình đó.

Các tổ chức, cá nhân có công trình nằm trong vùng nguy hiểm phải được thông báo bằng văn bản chậm nhất trước một ngày đêm về thời gian và địa điểm nổ mìn.

2. Tổ chức sử dụng VLNCN không được khởi nổ đồng thời 2 hoặc nhiều bãi mìn cạnh nhau; mỗi lần khởi nổ một bãi cách nhau ít nhất 15 phút. Đối với khu vực có nhiều đơn vị cùng nổ mìn, các đơn vị phải có biên bản thỏa thuận, thống nhất về thời gian tiến hành khởi nổ và tổ chức canh gác gửi Chính quyền địa phương nơi nổ mìn và Sở Công Thương theo dõi.

3. Trường hợp cần thiết nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Sở Công Thương chỉ định, bắt buộc việc thực hiện dịch vụ nổ mìn ở khu vực, địa điểm có đặc thù về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 14. Quy định về hiệu lệnh nổ mìn

1. Trước khi tiến hành nổ mìn lần đầu ở địa điểm đã được phép, đơn vị nổ mìn phải thông báo cho UBND xã, công an xã và cho mọi người sống hoặc làm việc ở trong vùng nguy hiểm của khu vực nổ mìn và vùng giáp ranh (vùng có bán kính gấp hai lần bán kính vùng nguy hiểm) biết về địa điểm, thời gian nổ mìn lần đầu, hàng ngày, giới hạn của vùng nguy hiểm; về các tín hiệu, ý nghĩa của các tín hiệu dùng khi nổ mìn.

2. Trong một khu vực có nhiều đơn vị cùng sử dụng VLNCN thì các quy định, hiệu lệnh nổ mìn phải được quy ước giống nhau.

3. Tín hiệu báo hiệu nổ mìn được thực hiện bằng còi, hoặc bằng phát mìn tín hiệu; âm thanh của còi báo hiệu hoặc phát mìn tín hiệu phải đảm bảo cho mọi người trong bán kính nguy hiểm nghe rõ.

4. Tổ chức được phép sử dụng VLNCN không được tự ý thay đổi quy định, quy ước về hiệu lệnh nổ mìn.

Điều 15. Quy định trong thi công khoan, nổ mìn:

1. Trong quá trình thi công khoan nổ mìn, tổ chức sử dụng VLNCN phải tuân thủ các thông số kỹ thuật của phương án nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

Trường hợp muốn điều chỉnh các thông số kỹ thuật của phương án hoặc thiết kế nổ mìn, phải có văn bản đề nghị và được Sở Công Thương phê duyệt hoặc chấp thuận.

2. Trong quá trình sử dụng VLNCN như nạp thuốc, đấu nối hệ thống, canh gác, khởi nổ, xử lý sự cố,... phải tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

3. Nghiêm cấm tổ chức sử dụng VLNCN lưu trữ VLNCN dư thừa tại mỏ hoặc công trường qua đêm sau khi đã kết thúc nổ mìn.

Điều 16. Quy định về sử dụng VLNCN trên địa bàn thành phố Pleiku, khu vực nội thị thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa và thị trấn các huyện.

1. Phụ kiện nổ: Kíp nổ vi sai điện nhiều số hoặc kíp nổ phi điện để khai thác đá nguyên khối.

2. Công tác phá đá quá cỡ được sử dụng bằng búa đập, không sử dụng phương pháp nổ mìn để phá đá quá cỡ.

3. Thời gian nổ mìn hàng ngày: Buổi chiều từ 16h30' đến 18h00'.

Điều 17: Quy định về nổ mìn tại các khu vực còn lại của các huyện, thị xã.

1. Phụ kiện nổ: Kíp nổ vi sai điện nhiều số, kíp nổ phi điện hoặc kíp nổ điện để khai thác đá nguyên khối.

2. Công tác phá đá quá cỡ được sử dụng bằng búa đập hoặc nổ mìn; trường hợp sử dụng phương pháp nổ mìn để phá đá quá cỡ phải sử dụng kíp điện tức thời

hoặc kíp điện vì sai nhiều số, lượng thuốc nổ tối đa cho 1 lỗ khoan không quá 0,2 kg, khối lượng thuốc nổ tối đa cho 1 bãi mìn không quá 05 kg.

3. Thời gian nổ mìn hàng ngày: Buổi trưa: từ 11h00' đến 12h30'.

Buổi chiều: từ 16h30' đến 18h00'.

Điều 18: Quy định về thời gian không được phép nổ mìn

1. Tết Nguyên Đán: Trước tết 02 ngày, trong 05 ngày tết và sau tết 02 ngày.
2. Những ngày nghỉ lễ theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
3. Những trường hợp khác nếu không được tiến hành nổ mìn hoặc vận chuyển VLNCN sẽ có thông báo của Sở Công Thương hoặc Công an tỉnh bằng văn bản.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH, VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN, SỬ DỤNG VÀ TIÊU HỦY VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 19. Trách nhiệm chung

1. Tuân thủ quy định tại giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thành lập bộ phận an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn vệ sinh lao động. Bộ phận này do lãnh đạo trực tiếp điều hành, chỉ đạo và phân công người đủ trình độ, kinh nghiệm chịu trách nhiệm thực hiện công tác kỹ thuật an toàn tại mỗi bộ phận, vị trí có nguy cơ cao về mất an toàn, tai nạn, sự cố, cháy, nổ.

3. Ban hành và niêm yết nội quy, quy định, quy trình bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và bảo vệ môi trường; có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn các quy định liên quan đến công tác an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ:

Tổ chức kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp phải bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ đối với từng loại vật liệu nổ công nghiệp kinh doanh, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy trong thời hạn 10 năm kể từ ngày thực hiện kinh doanh, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy;

5. Tổ chức có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, Giấy phép dịch vụ nổ mìn do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp – Bộ Công Thương, Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do Bộ Quốc phòng cấp phải thông báo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân tỉnh ít nhất 10 ngày trước khi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh (Mẫu Thông báo theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo).

Điều 20. Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn

1. Tổ chức kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn theo nội dung quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

2. Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến các điều kiện an toàn, tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải rà soát, cập nhật để đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn.

Điều 21. Phương án, hộ chiếu nổ mìn

1. Tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải lập Phương án nổ mìn theo nội dung quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và được lãnh đạo của tổ chức phê duyệt.

2. Căn cứ nội dung của Phương án nổ mìn, tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải lập Hộ chiếu nổ mìn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp cho mỗi lần nổ mìn.

Điều 22. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

1. Tổ chức kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp phải xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo nội dung quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

2. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải thể hiện đầy đủ các phương án xử lý tình huống khẩn cấp theo kết quả đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn quy định tại Điều 5 của quyết định này.

3. Định kỳ hàng năm tổ chức kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện luyện tập, diễn tập xử lý các tình huống khẩn cấp. Kết quả luyện tập, diễn tập được đánh giá và ghi chép để hoàn thiện kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

4. Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến công tác ứng cứu khẩn cấp, tổ chức kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện rà soát, cập nhật, phê duyệt Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp để phù hợp với thực tiễn.

Điều 23. Báo cáo trong hoạt động VLNCN

1. Báo cáo định kỳ:

Tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp báo cáo Sở Công Thương về tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 05 tháng 01 đối với báo cáo năm theo quy định tại Mẫu 1, Phụ lục III ban hành kèm theo.

2. Báo cáo đột xuất:

a. Báo cáo Công an cấp huyện và Sở Công Thương trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện: Xảy ra xâm nhập trái phép khu vực tồn trữ vật liệu nổ công nghiệp, mất cắp, thất thoát hoặc xảy ra tai nạn, sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

b. Báo cáo Sở Công Thương trong vòng 48 giờ khi chấm dứt hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

c. Thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

d. Nội dung báo cáo đột xuất theo quy định tại Mẫu 2, Phụ lục III ban hành kèm theo.

Chương VI

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, HUẤN LUYỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRONG HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 24. Trình độ chuyên môn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

1. Người quản lý phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật: Hóa chất, vũ khí đạn, công nghệ hóa học về thuốc phóng, thuốc nổ, công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất, xây dựng công trình, giao thông, thủy lợi, địa vật lý hoặc dầu khí.

2. Chỉ huy nổ mìn phải có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, cụ thể như sau:

a) Đối với chuyên ngành kỹ thuật: Vũ khí đạn, công nghệ hóa học về thuốc phóng, thuốc nổ, công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất, xây dựng công trình, giao thông, thủy lợi, địa vật lý, dầu khí hoặc khoan nổ mìn. Chỉ huy nổ mìn phải có thời gian trực tiếp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tối thiểu 01 năm đối với người có trình độ đại học trở lên và tối thiểu 02 năm đối với người có trình độ trung cấp, cao đẳng;

b) Đối với chuyên ngành kỹ thuật khác quy định tại Điểm a Khoản này, chỉ huy nổ mìn phải có thời gian trực tiếp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tối thiểu 02 năm đối với người có trình độ đại học trở lên và tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp, cao đẳng.

3. thợ mìn phải có trình độ từ sơ cấp trở lên thuộc chuyên ngành quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này hoặc từ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này. thợ mìn phải có thời gian làm công việc phục vụ nổ mìn tối thiểu 06 tháng.

Điều 25. Đối tượng phải huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

1. Người quản lý.
2. Người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp.
3. Chỉ huy nổ mìn.
4. Thợ mìn.
5. Người phục vụ; người áp tải, Điều khiển phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 26. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

Sở Công Thương tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng quy định tại Điều 25 của Quy chế này của các tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 27. Nội dung huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

1. Nội dung huấn luyện đối với người quản lý
 - a) Quy định của pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;
 - b) Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp; biện pháp về quản lý, kỹ thuật bảo đảm an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; dấu hiệu, biểu trưng và ký hiệu nguy hiểm của bao gói, thùng chứa và phương tiện vận chuyển;
 - c) Nhận diện nguy cơ, yếu tố nguy hiểm, đánh giá rủi ro về các mặt an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;
 - d) Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;
 - đ) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Khoản 8 Điều này.
2. Nội dung huấn luyện đối với người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp
 - a) Quy định của pháp luật về bảo quản vật liệu nổ công nghiệp: Yêu cầu về kho chứa; phương tiện, thiết bị bảo đảm an toàn, phòng cháy, chữa cháy, chống sét, kiểm soát tĩnh điện kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp;
 - b) Thành phần, tính chất, phân loại và yêu cầu về chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; các quy định về thử nghiệm, kiểm tra và biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; quy định về tiêu hủy và phương pháp tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về bao bì, ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp;

c) Cách sắp xếp, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về an toàn khi bốc xếp, bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp trong phạm vi kho và trên phương tiện vận chuyển;

d) Quy trình xuất, nhập, thống kê vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Trách nhiệm của người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp;

e) Nhận diện nguy cơ, yếu tố nguy hiểm, đánh giá rủi ro trong bảo quản vật liệu nổ công nghiệp về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai;

g) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Khoản 8 Điều này.

3. Nội dung huấn luyện đối với chỉ huy nổ mìn

a) Quy định pháp luật về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

b) Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp; phân loại, kiểm tra chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; quy định về tiêu hủy và phương pháp tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về bao bì, ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp;

c) Các phương pháp nổ mìn; các biện pháp an toàn khi nổ mìn; ảnh hưởng của nổ mìn đối với công trình, môi trường và con người; xác định khoảng cách an toàn khi nổ mìn; xây dựng phương án nổ mìn; quy định về giám sát ảnh hưởng nổ mìn;

d) Phương pháp lập hộ chiếu nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn điển hình và chỉ đạo thi công bãi nổ theo hộ chiếu nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn đã lập;

đ) Công tác bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại khu vực nổ mìn;

e) Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp từ kho tới nơi sử dụng và ngược lại;

g) Nhận diện nguy cơ và đánh giá rủi ro về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

h) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Khoản 8 Điều này.

4. Nội dung huấn luyện đối với thợ mìn

a) Quy định pháp luật về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

b) Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp; phân loại, kiểm tra chất lượng vật liệu nổ công nghiệp; quy định về tiêu hủy và phương pháp tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; yêu cầu về bao bì, ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp;

c) Phương pháp nổ mìn; các biện pháp an toàn khi nổ mìn; ảnh hưởng của nổ mìn đối với công trình, môi trường, con người; khoảng cách an toàn khi nổ mìn;

d) Thực hiện thi công nổ mìn: Đọc và hiểu hộ chiếu nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn; bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại nơi nổ mìn; biện pháp an toàn khi làm

ngòi mìn, mìn mồi, lấp đạn vào ống mang (đối với nổ mìn trong khai thác dầu khí); công việc nạp mìn, nạp búa, đầu nối mạng nổ mìn; xử lý mìn câm; phương pháp nổ, trình tự công việc, tín hiệu nổ, trách nhiệm của thợ mìn;

đ) Nhận diện nguy cơ và đánh giá rủi ro trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, thiên tai;

e) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Khoản 8 Điều này.

5. Nội dung huấn luyện đối với người phục vụ, người áp tải, người điều khiển phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

a) Quy định của pháp luật liên quan đến sử dụng, bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b) Yêu cầu an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp;

c) Các dấu hiệu, biểu trưng và ký hiệu nguy hiểm của bao gói, thùng chứa và phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

d) Các phương pháp, biện pháp bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trong kho, vị trí trung chuyển, trên phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và khu vực nổ mìn;

đ) Nhận diện nguy cơ có khả năng gây mất an toàn trong bốc dỡ, áp tải, vận chuyển, sử dụng và quy định bảo đảm an ninh, an toàn khi vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

e) Ứng phó sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Khoản 8 Điều này.

6. Nội dung huấn luyện ứng phó sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

a) Phân loại và phương pháp phát hiện các tình huống khẩn cấp; các hành động khi phát hiện tình huống khẩn cấp;

b) Xác định các tác động có thể gây nguy hiểm đối với người, phương tiện, thiết bị tại hiện trường và các vị trí, sơ đồ thoát hiểm; quyết định cần thiết khi phải sơ tán;

c) Các phương án, biện pháp cần thực hiện khi xảy ra tai nạn, sự cố mất an toàn vật liệu nổ công nghiệp: Thông tin gọi cứu hộ, cứu nạn; cấp cứu tại chỗ; sử dụng các phương tiện cứu hộ xử lý sự cố cháy, nổ; liên lạc và báo cáo cơ quan có thẩm quyền; huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài của cơ sở;

d) Phương pháp, biện pháp ứng phó các tình huống khẩn cấp;

đ) Công tác điều tra, đánh giá nguyên nhân, hậu quả của sự cố;

e) Kế hoạch khắc phục hậu quả, khôi phục hoạt động của máy, thiết bị, công trình đã xảy ra sự cố.

Điều 28. Huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy

Việc huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 29. Tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

1. Sở Công Thương có trách nhiệm:

a) Biên soạn tài liệu và tổ chức huấn luyện cho người quản lý theo nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 27 của Quy chế này;

b) Lựa chọn người huấn luyện phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Quản lý, theo dõi công tác huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

2. Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp có trách nhiệm:

a) Biên soạn tài liệu và tổ chức huấn luyện cho các đối tượng quy định tại Điều 25 của Quy chế này trừ người quản lý theo nội dung quy định từ Khoản 2 đến Khoản 6 Điều 27 của Quy chế này và phù hợp với tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của tổ chức;

b) Lựa chọn người huấn luyện phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Đề nghị Sở Công Thương huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người quản lý; kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng quy định tại Điều 25 của Quy chế này trừ người quản lý;

d) Quản lý, theo dõi công tác huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Căn cứ tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp có thể kết hợp tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp với huấn luyện phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, an toàn, vệ sinh lao động và huấn luyện khác.

3. Người huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Hóa chất, vũ khí đạn, công nghệ hóa học về thuốc phóng, thuốc nổ, công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất, xây dựng công trình, giao thông, thủy lợi, địa vật lý, dầu khí và có kinh nghiệm thực tế làm việc về kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp từ 05 năm liền kề trở lên hoặc làm quản lý nhà nước trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp từ 03 năm liền kề trở lên; có kiến thức pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp.

4. Hình thức huấn luyện

a) Huấn luyện lần đầu: Các đối tượng quy định tại Điều 25 của Quy chế này phải được huấn luyện trước khi thực hiện các hoạt động vật liệu nổ công nghiệp. Thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ đối với Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và ít nhất là 12 giờ đối với các đối tượng còn lại;

b) Huấn luyện định kỳ: Các đối tượng quy định tại Điều 25 của Quy chế này được huấn luyện 02 năm một lần. Thời gian huấn luyện bằng một nửa (1/2) thời gian huấn luyện lần đầu;

c) Huấn luyện lại: Các đối tượng quy định tại Điều 25 của Quy chế này phải thực hiện huấn luyện lại khi kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu; thợ mìn đã ngừng công việc từ 06 tháng trở lên hoặc có liên quan đến sự thay đổi về phương pháp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Thời gian huấn luyện bằng một nửa (1/2) thời gian huấn luyện lần đầu.

Điều 30. Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

1. Tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lập 01 bộ hồ sơ đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người quản lý gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Công Thương, hồ sơ gồm:

- a) Giấy đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo;
- b) Danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo;
- c) 02 ảnh (3x4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;
- d) Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định tại Điều 24 của Quy chế này.

2. Tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lập 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng quy định tại Điều 25 Quy chế này trừ người quản lý, gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Công Thương, hồ sơ gồm:

- a) Giấy đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo;
- b) Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn theo Mẫu số 02 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo;
- c) 02 ảnh (3x4 cm) của người trong danh sách đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;
- d) Tài liệu huấn luyện chi tiết phù hợp cho từng đối tượng theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 29 của Quy chế này;

đ) Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định tại Điều 24 của Quy chế này.

3. Trình tự huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương phải thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra cho tổ chức đề nghị;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra, Sở Công Thương phải tổ chức huấn luyện, kiểm tra.

4. Nội dung, kết quả kiểm tra

a) Nội dung kiểm tra phải phù hợp với nội dung huấn luyện quy định tại Điều 27 Quy chế này;

b) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn được cấp cho các đối tượng có kết quả kiểm tra từ 6/10 điểm trở lên.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Công Thương thực hiện cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.

6. Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn có hiệu lực trong thời hạn 02 năm và có giá trị trên phạm vi toàn quốc.

7. Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn

a) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc hư hỏng;

b) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn được cấp lại có nội dung và thời hạn như giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn đã cấp;

c) Hồ sơ đề nghị cấp lại: Giấy đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo; 02 ảnh (3x4 cm) và danh sách đối tượng cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA, THỬ HUỖ VÀ GIÁM SÁT CÁC ẢNH HƯỞNG NỔ Mìn

Điều 31. Kiểm tra và thử VLNCN

1. Khi nhập VLNCN vào kho dự trữ bảo quản, phải định kỳ tiến hành kiểm tra và thử nổ nhằm xác định chất lượng của VLNCN. Ở các kho tiêu thụ chỉ cần định kỳ xem xét bên ngoài và kiểm tra điện trở của kíp điện.

VLNCN nhập trực tiếp từ nhà máy sản xuất mà có đủ chứng chỉ chất lượng, bao bì còn nguyên và đang trong thời hạn bảo hành thì không cần phải thử.

Việc thử VLNCN phải do thợ mìn, nhân viên thí nghiệm thực hiện dưới sự chỉ huy của trưởng kho. Việc kiểm tra và thử phải theo đúng qui định ở Phụ lục L của Quy chuẩn QCVN 02:2008/BCT.

2. VLNCN đã quá thời hạn bảo hành mà chưa được kiểm tra, thử nổ đánh giá lại chất lượng thì không được đưa sử dụng. VLNCN nhập về kho tiêu thụ trong tình trạng bao bì không tốt thì phải xem xét bên ngoài và thử sự truyền nổ của chất nổ.

3. Việc thử định kỳ VLNCN tiến hành theo thời hạn sau.

a) Thuốc nổ có chứa nitro este lỏng và chất nổ an toàn: vào cuối thời hạn bảo hành và 3 tháng 1 lần sau thời gian bảo hành;

b) Các loại thuốc nổ khác: vào cuối thời hạn bảo hành và 6 tháng một lần sau thời hạn bảo hành;

c) Các phương tiện nổ: vào cuối thời hạn bảo hành;

d) Tất cả các loại VLNCN không phụ thuộc vào thời hạn bảo hành, nếu khi xem xét bên ngoài thấy có nghi ngờ về chất lượng (khô cứng, chảy nước, rách bao gói) hoặc khi nổ mìn cho kết quả không đạt yêu cầu (mìn câm, nổ không hoàn toàn) thì phải thử.

Điều 32. Hủy vật liệu nổ công nghiệp

1. VLNCN sau khi kiểm tra và thử nếu xác định đã mất phẩm chất mà không có khả năng hoặc điều kiện tái chế thì phải tiến hành hủy. Đơn vị tổ chức hủy phải có giấy phép sản xuất, sử dụng VLNCN theo quy định

Người chỉ đạo và người tham gia trực tiếp việc hủy VLNCN phải được huấn luyện về phương pháp hủy và biện pháp an toàn, bảo vệ môi trường khi hủy. Việc hủy VLNCN phải theo hướng dẫn của nhà sản xuất (nếu có). Trường hợp không rõ về loại VLNCN cần hủy hoặc không nắm được phương pháp hủy, đơn vị tổ chức hủy VLNCN phải liên hệ với nhà cung ứng VLNCN để được hướng dẫn hoặc hỗ trợ dịch vụ hủy VLNCN.

2. Trình tự, thủ tục và các bước tiến hành hủy VLNCN thực hiện theo quy định tại Điều 16, QCNN 02:2008/BCT.

Điều 33. Quy định về giám sát các ảnh hưởng do nổ mìn

1. Khi nổ mìn ở những địa điểm gần khu dân cư, công trình văn hoá lịch sử, công trình quan trọng quốc gia và các công trình khác không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân sử dụng VLNCN, tổ chức sử dụng VLNCN phải thực hiện việc giám sát các ảnh hưởng của chấn động và sóng không khí đối với con người, công trình trong các trường hợp sau:

a) Có khiếu nại của chủ công trình về các ảnh hưởng của chấn động và sóng không khí;

b) Hệ số tỷ lệ khoảng cách D_s không đạt yêu cầu quy định tại QCVN 02:2008/BCT

c) Nổ thí nghiệm để lập hoặc hiệu chỉnh hộ chiếu, thiết kế nổ mìn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về VLNCN.

2. Người thực hiện giám sát phải được tổ chức đủ điều kiện huấn luyện, cấp chứng chỉ đã qua đào tạo về phương pháp đo, đánh giá kết quả ảnh hưởng nổ mìn và sử dụng thành thạo thiết bị, phương tiện đo.

3. Phương pháp đo, đánh giá kết quả trong hoạt động giám sát thực hiện theo TCVN 7197:2002 Rung động và chấn động cơ học - Rung động đối với các công trình xây dựng - Hướng dẫn đo rung động và đánh giá ảnh hưởng của chúng đến các công trình xây dựng, TCVN 5964 :1995 Âm học - Mô tả và đo tiếng ồn môi trường - Các đại lượng và phương pháp đo chính.

4. Việc giám sát có thể thực hiện gián đoạn theo từng vụ nổ mìn hoặc liên tục trong một thời hạn theo yêu cầu giám sát.

5. Địa điểm, phương pháp đo, tính toán đánh giá mức độ ảnh hưởng phải thể hiện trong hộ chiếu hoặc thiết kế nổ mìn.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CÁC SỞ, NGÀNH VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VỀ VLNCN

Điều 34. Trách nhiệm của Sở Công Thương.

1. Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động VLNCN trên địa bàn.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thực hiện:

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh; ban hành các quy định về hoạt động VLNCN tại các khu vực, cụm xây dựng, khai thác tùy theo điều kiện đặc thù cụ thể của từng khu, cụm.

b) Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn theo quy định pháp luật.

3. Cấp, cấp lại hoặc thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại khoản 3, Điều 6 Quy chế này.

4. Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý.

5. Chủ trì kiểm tra việc thực hiện phương án giám sát ảnh hưởng do nổ mìn của các tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ huấn luyện, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn VLNCN cho các đối tượng tham gia tập huấn của tổ chức sử dụng VLNCN theo quy định.

7. Lập báo cáo theo định kỳ 06 (sáu) tháng, hàng năm về tình hình quản lý, kinh doanh và sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công thương trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo 06 (sáu) tháng, trước ngày 15 tháng 01 đối với báo cáo năm.

8. Quản lý chất lượng công trình xây dựng liên quan đến bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 35. Trách nhiệm của Công an tỉnh:

1. Tổ chức kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự; thẩm duyệt, kiểm tra, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho, phương tiện chuyên dùng vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; kiểm tra, cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức thuộc thẩm quyền.

2. Chủ trì thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về an ninh trật tự, vận chuyển, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

3. Xử lý các vi phạm về hoạt động VLNCN theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 36. Trách nhiệm của Sở Lao động Thương binh và Xã hội

1. Hướng dẫn thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh.
2. Tham gia thanh, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các hoạt động của các tổ chức có hoạt động VLNCN trên địa bàn.
3. Xử lý các vi phạm về hoạt động VLNCN theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 37. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Chỉ đạo các ngành chức năng ở địa phương và UBND cấp xã theo dõi, giám sát hoạt động VLNCN trên địa bàn quản lý.
2. Tham gia xử lý sự cố và các vấn đề khác xảy ra có liên quan đối với hoạt động VLNCN trên địa bàn.
3. Xử lý các vi phạm về hoạt động VLNCN theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 38. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này và các quy định khác của pháp luật liên quan về hoạt động VLNCN, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật về xử vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý VLNCN hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân hoạt động VLNCN; bao che cho người vi phạm pháp luật về hoạt động VLNCN hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra hậu quả nghiêm trọng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Trách nhiệm thực hiện

Thủ trưởng các Sở, Ngành; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, địa phương mình tổ chức thực hiện Quy chế này.

Giao cho Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan tổ chức phổ biến, triển khai thực hiện Quy chế này và những quy định hiện hành của pháp luật liên quan đến hoạt động VLNCN.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Sở, ban, ngành liên quan, các tổ chức hoạt động VLNCN phản ánh bằng văn bản về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh./.

PHỤ LỤC I
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP
(Ban hành kèm theo quyết định số/2018/QĐ-UBND ngày tháng ... năm 2018)

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Gia Lai.

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Do cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Đăng ký kinh doanh số:..... do
cấp ngày tháng năm 20 ...

Đề nghị cấp/cấp lại: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Mục đích:

Phạm vi, địa điểm:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):

Đề nghị Sở Công Thương tỉnh Gia Lai xem xét và cấp/ cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6/2017 và Quyết định số .../2018/QĐ-UBND ngày .../.../2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....⁽³⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đóng trụ sở chính;
- (3) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

PHỤ LỤC II
MẪU THÔNG BÁO SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP
(Ban hành kèm theo quyết định số/2018/QĐ-UBND ngày tháng ... năm 2018)

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO
Về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Thực hiện quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ; Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, Quyết định số/2018/QĐ-UBND ngày/...../2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế quản lý VLNCN trên địa bàn tỉnh Gia Lai,⁽¹⁾..... thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp như sau:

1. Vị trí, phạm vi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:.....
.....
2. Khoảng cách gần nhất từ vị trí nổ mìn đến công trình, khu dân cư lân cận:
.....
3. Phương pháp nổ mìn:
.....
4. Quy mô nổ mìn:
.....
5. Giờ nổ mìn trong ngày (đối với nổ mìn lộ thiên):
.....
6. Thời hạn sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:
.....
7. Các biện pháp an toàn khi nổ mìn:
.....
8. Hồ sơ kèm theo:
 - Bản sao Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc Giấy phép dịch vụ nổ mìn;
 - Bản sao phương án nổ mìn;

- Bản sao Hợp đồng dịch vụ nổ mìn đối với các tổ chức có giấy phép dịch vụ nổ mìn;
- Danh sách người liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của các tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Công Thương Gia Lai;
-⁽⁴⁾.....;
- Lưu:⁽⁵⁾.....,

.....⁽³⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1)- Tên tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- (2)- Tên Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đóng trụ sở chính;;
- (3) - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (4) - Tên các tổ chức có liên quan;
- (5) - Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỎ CÔNG NGHIỆP

Mẫu 1: Báo cáo định kỳ của tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾..... ngày tháng năm 20..

Về tình hình hoạt động (3)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, Quyết định số/2018/QĐ-UBND ngày/....../2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế quản lý VLNCN trên địa bàn tỉnh Gia Lai,⁽¹⁾ là tổ chức⁽⁴⁾do⁽⁵⁾ cấp Giấy phép⁽⁶⁾ báo cáo tình hình hoạt động⁽³⁾ từ đến như sau:

a) Chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sử dụng trong kỳ: ⁽⁷⁾

[illegible]

c) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp nếu có (số lượng kho, tổng công suất kho).

2. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp.

a) Ban hành các nội quy, quy trình, quy định;

b) Đánh giá rủi ro (nếu có);

c) Phương án nổ mìn (nếu có);

d) Hộ chiếu nổ mìn (nếu có);

đ) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (nếu có);

e) Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ;

g) Thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nếu có);

h) Thực hiện các quy định bảo đảm an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

3. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

4. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

5. Các đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;

-⁽⁹⁾.....;

- Lưu:⁽¹⁰⁾.....,

.....⁽⁸⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

⁽¹⁾ - Tên tổ chức báo cáo tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

⁽²⁾ - Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đóng trụ sở chính; (Ví dụ: Gia Lai);

⁽³⁾ - Loại hình hoạt động (Ví dụ: Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, nổ mìn dịch vụ);

⁽⁴⁾ - Loại hình hoạt động của tổ chức (Ví dụ: Khai thác khoáng sản; thi công công trình);

⁽⁵⁾ - Tên tổ chức cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Sở Công Thương, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp...)

⁽⁶⁾ - Tên Giấy phép (Ví dụ: sử dụng VLNCN, nổ mìn dịch vụ...).

⁽⁷⁾ - Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp;

⁽⁸⁾ - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;

⁽⁹⁾ - Tên các tổ chức có liên quan;

⁽¹⁰⁾ - Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Mẫu 2. Báo cáo đột xuất của tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Về tình hình⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, Quyết định số/2018/QĐ-UBND ngày/....../2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế quản lý VLNCN trên địa bàn tỉnh Gia Lai,.....⁽¹⁾..... báo cáo tình hình⁽³⁾..... như sau:

1. Nội dung sự việc (trình bày diễn biến, hậu quả sự việc):
2. Nguyên nhân khách quan, chủ quan:
3. Các biện pháp khắc phục:

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁶⁾.....;
- Lưu:⁽⁷⁾.....,

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾- Tên tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;
- ⁽²⁾- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đóng trụ sở chính; (Ví dụ: Gia Lai);
- ⁽³⁾- Tình huống đột xuất (Ví dụ: Thất thoát vật liệu nổ công nghiệp);
- ⁽⁴⁾- Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Gia Lai, Công an cấp huyện nơi xảy ra tình huống đột xuất);
- ⁽⁵⁾- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- ⁽⁶⁾- Tên các tổ chức có liên quan;
- ⁽⁷⁾- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

PHỤ LỤC IV

CÁC MẪU TRONG HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN VLNCN

(Ban hành kèm theo quyết định số/2018/QĐ-UBND ngày tháng năm 2018)

Mẫu số 01. Giấy đề nghị huấn luyện kỹ thuật an toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽¹⁾.....

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽²⁾.....giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Gia Lai.

Tên cơ sở hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Quyết định số/2018/QĐ-UBND ngày/...../2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế quản lý VLNCN trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

...⁽¹⁾... đề nghị Sở Công Thương Gia Lai⁽²⁾.....giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (danh sách kèm theo) cho các đối tượng liên quan tới hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của ...⁽¹⁾....

...⁽³⁾....., ngày.....tháng.....năm.....

.....⁽⁴⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Hồ sơ gửi kèm theo:

Chú thích:

⁽¹⁾ Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);

⁽²⁾ Nội dung đề nghị (Ví dụ: Kiểm tra, cấp hoặc huấn luyện, kiểm tra, cấp hoặc cấp lại);

⁽³⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Gia Lai);

⁽⁴⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu số 02:

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN VLNCN**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nơi cơ trú	Đăng ký ⁽¹⁾
1						
2						
...						

.....⁽²⁾, ngày.....tháng.....năm.....

.....⁽³⁾
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

⁽¹⁾ Đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận (Ví dụ: Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp);

⁽³⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Gia Lai);

⁽³⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.